TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 106/2023/DS-ST
Ngày 24 - 7 - 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản & yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lý Hùng

2. Bà Lê Thị Xuân Đào

***Thư ký phiên tòa*:** Nguyễn Thị Kim Thoa-Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Mạnh Khang- Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 287/2023/TLST- DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2023/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa:

1.*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ô 3, Khu A, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt);

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Nguyệt Th, sinh năm 1982 (có mặt)

Bà Đỗ Thị Tuyết H, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Cháu Lê Thụy Giáng M, sinh năm 2006

Cháu Lê Minh H1, sinh năm 2007

Người đại diện cháu M và cháu H1 là bà Ngô Thị Nguyệt Th. Cùng địa chỉ: Ô 4, Khu A, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Long Đ, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ô 3, Khu A, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 4 năm 2023 và các lời trình bày tiếp

theo tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Do mối quan hệ bạn bè với bà Th nên ngày 05/10/2020, bà có cho bà Ngô Thị Nguyệt Th và ông Lê Quốc Minh T vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng. Quá trình vay ông T và bà Th có trả được 01 kỳ lãi là tháng 11/2020, còn lại không trả. Trước khi ông T chết (24/3/2023), bà có có đề nghị đòi lại số tiền này nhưng vợ chồng bà Th không trả. Lúc đó ông T bỏ nhà đi. Nay ông T chết, bà đề nghị bà Th và những người thừa kế của ông T phải trả cho bà 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Ngô Thị Nguyệt Th và bà Th đại diện hai con trình bày: Bà thống nhất mối quan hệ với ông Lê Quốc Minh T (chết ngày 24/3/2023) như bà M nêu. Bà và ông T là vợ chồng có hai con là Lê Thụy Giáng M và Lê Minh H1. Ông T còn mẹ ruột là bà Đỗ Thị Tuyết H. Bà thống nhất lúc ông T còn sống thì bà và ông T có vay của bà M 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) với mức lãi suất 3%/tháng. Quá trình vay thì bà và ông T có trả lãi nhiều lần cho bà M khoảng 900.000.000 đồng nhưng bà M không làm giấy ký nhận tiền lãi. Nay ông T chết, bà phải nuôi hai con ăn học không có điều kiện trả đủ 1.000.000.000 đồng như lời đề nghị của bà M. Bà xin trả 700.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi. Số tiền bà và ông T đã trả lãi cho bà M thì bà không yêu cầu khấu trừ lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Long Đ trình bày: Ông Nguyễn Long Đ xác định là chồng bà M, ông thống nhất lời trình bày bà M như đã nêu trên ông không có trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Tuyết H trình bày: Bà là mẹ ruột của ông T nhưng T có gia đình riêng không liên quan đến kinh tế gia đình bà. Bà hiện đã lớn tuổi nhiều bệnh nền không làm gì ra tiền. Bản thân phải sống nương tựa những người con khác nên không đồng ý trả tiền thay cho ông T theo yêu cầu của bà M. Đồng thời bà xin xét xử vắng mặt tại Tòa án nhân dân các cấp.

Tại phần tranh luận bà M và bà Th thống nhất, bà Th và những người thừa kế ông T trả cho bà M 750.000.000 đồng. Hai bên không yêu cầu tính lãi.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Th và những người thừa kế của ông T trả cho bà M 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) trong phạm vi di sản ông T chết để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản & yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Th và những người thừa kế của ông T có hộ khẩu thường trú tại thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Ngọc M người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà Ngô Thị Nguyệt Th, bà Đỗ Thị Tuyết H, Lê Thụy Giáng M và Lê Minh H1 được xác định là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Ông Nguyễn Long Đ được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: bà M khởi kiện yêu cầu bà Th và những người thừa kế của ông T trả tiền thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên đối chiếu theo quy định Điều 155 Bộ luật dân sự nên không tính thời hiệu khởi kiện; bà Nguyễn Thị Ngọc M có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: bà M yêu cầu bà Th và những người thừa kế của ông T liên đới phải trả cho bà M 7.500.000.000 đồng, chứng cứ là Hợp đồng cho vay 05/10/2020. Các đương sự xác định đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.việ

[1.4]. Về việc xét xử vắng mặt: Bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Hợp đồng cho vay tiền ngày 05/10/2020 nội dung giấy nợ ghi: "*Bên cho vay Nguyễn Thị Ngọc M. Địa chỉ: Ô 3, Khu A thị trấn H, Đức Hòa, tỉnh Long An ...Bên cho vay Lê Quốc Minh T....Sau khi thỏa thuận cùng nhau ký hợp đồng vay tiền với các điều khoản sau: Bên A đồng ý cho bên B vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) lãi suất 3%/tháng. Đại diện bên A ký tên Nguyễn Thị Ngọc M, đại diện bên B ký tên và điểm chỉ Lê Quốc Minh T, Ngô Thị Nguyệt Th*". Đối với giấy nợ này bà Th thừa nhận chữ ký, dấu vân tay và chữ viết họ tên là của bà và chồng bà. Đồng thời bà cũng thừa nhận vợ chồng bà có nhận của bà M 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Đây là tình tiết sự thật của vụ án không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 193 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2]. Số tiền bà Th và các đồng thừa kế của ông T phải trả cho bà M được bà Th và bà M thống nhất tại phần tranh luận của phiên tòa là 750.000.000 đồng. Phần còn lại bà M cho bà Th và các đồng thừa kế của ông T là 250.000.000 đồng. Đồng thời bà M cũng không yêu cầu tính lãi đối với số tiền phải trả nên không đề cập xem xét. Do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu của bà M đối với số tiền 750.000.000 đồng, đình chỉ một phần yêu cầu của bà M đối với số tiền 250.000.000 đồng.

[2.3]. Đối với việc thực hiện nghĩa vụ người chết để lại, bà H (mẹ ông T) không đồng ý thực hiện nghĩa vụ của ông T chết lại trong phạm vi di sản của ông T là không phù hợp với Điều 615 Bộ luật dân sự 2015.

[3].Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Th phải chịu án phí, bà H và các con ông T được miễn án phí.

Vìcác lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466, Điều 468 và Điều 615 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản & yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*" với bà Ngô Thị Nguyệt Th và những người thừa kế của ông Lê Quốc Minh T là Ngô Thị Nguyệt Th, Lê Thụy Giáng M, Lê Minh H1 và Đỗ Thị Tuyết H.

Buộc bà Ngô Thị Nguyệt Th liên đới cùng với cùng với những người thừa kế ông Lê Quốc Minh T (Ngô Thị Nguyệt Th, Đỗ Thị Tuyết H, Lê Thụy Giáng M, Lê Minh H1) trả số tiền vay và thực hiện nghĩa vụ của ông T (chết) trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M về việc đòi Ngô Thị Nguyệt Th liên đới cùng với cùng với những người thừa kế ông Lê Quốc Minh T (Ngô Thị Nguyệt Th, Đỗ Thị Tuyết H, Lê Thụy Giáng M, Lê Minh H1) trả số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Ngô Thị Nguyệt Th phải chịu 21.250.000 đồng (Hai mươi mốt triệu hai trăm năm mươi ngàn) án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc M 21.000.000 đồng theo biên lai số 0003520 ngày 28/4/2023 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Trần Thị Đổi – Nguyễn Thị Rạt	**Nguyễn Thị Mộng Thúy**